| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TUY ĐỨC**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày 20/9/2018.
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Chương.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Tiến Hóa và ông Lưu Ngọc Khoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Long Ca – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2018/TLST- DS, ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Trương Thị C, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 8, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN – Có mặt tại phiên tòa.

*2. Bị đơn*: Chị Lê Thiện Quỳnh T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 8, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN – Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị C trình bày*:

Vào ngày 16/12/2016 (AL) tức ngày 13/01/2017 (DL) tôi có cho chị Lê Thiện Quỳnh T vay số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Khi cho vay hai bên có viết giấy tờ vay với nhau và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ vào ngày 16/11/2017 (AL) tức ngày 02/01/2018 (DL), lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Trong giấy vay nợ chỉ có một mình chị T ký vào người vay nợ, còn chồng chị T không trực tiếp vay và cũng không ký vào giấy nợ.

Theo như thỏa thuận chị T phải trả cho tôi 3.000.000 đồng/01 tháng/100.000.000 đồng. Và chị T đã trả được cho tôi số tiền lãi từ ngày 16/12/2016 (AL) tức ngày 13/01/2017 (DL) đến 21/8/2017 (AL) tức ngày 10/10/2017 (DL). Còn kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2017 (DL) cho đến nay thì chị T không trả lãi cho tôi như đã thỏa thuận.

Đến hạn trả nợ 16/11/2017 (AL) tức ngày 02/01/2018 (DL) tôi đến nhà chị T nhiều lần để đòi nợ nhưng chị T vẫn cố tình không trả nợ cho tôi.

Do đó, tôi làm đơn khởi kiện ra TAND huyện Tuy Đức để buộc chị T phải trả số tiền là 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng và lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng kể từ ngày 11/10/2017 (DL) cho đến khi kết thúc vụ án ngày 20/9/2018 (DL) là 11 tháng 09 ngày, số tiền lãi là 16.950.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Về án phí: Chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thiện Quỳnh T trình bày:***

Chị T thừa nhận vào ngày 16/12/2016 (AL) tức ngày 13/01/2017 (DL) vì cần tiền để làm ăn nên tôi có vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Khi vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ vào ngày 16/11/2017 (AL) tức ngày 02/01/2018 (DL), lãi suất vay là 3%/tháng. Và tôi đã trả cho bà C số tiền lãi 3.000.000 đồng/1 tháng/100.000.000 đồng và đã trả lãi từ ngày 16/12/2016 (AL) tức ngày 13/01/2017 (DL) đến 21/8/2017 (AL) tức ngày 10/10/2017 (DL). Còn kể từ ngày 11/10/2017 (DL) cho đến nay thì tôi chưa trả lãi cho bà C vì do làm ăn bị thua lỗ. Nay do điều kiện khó khăn nên xin bà C không lấy tiền lãi tương ứng thời gian còn lại, còn số tiền gốc là 100.000.000 đồng tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng trả vào ngày 25 hàng tháng và trả cho đến khi hết nợ.

Về án phí tôi đồng ý chịu theo quy định của pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:***

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chị Lê Thiện Quỳnh T không chấp hành quy định của pháp luật.

Tranh chấp được thụ lý, giải quyết là vụ án dân sự, cụ thể là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, được thụ lý, giải quyết đúng theo các Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị T thừa nhận số nợ 100.000.000 đồng và không đồng ý yêu cầu tính lãi của bà C nên cần chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà Trương Thị C. Buộc chị Lê Thiện Quỳnh T phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng là có căn cứ và buộc chị Lê Thiện Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án tống đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn chị Lê Thiện Quỳnh T có hộ khẩu tại thôn 8, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thiện Quỳnh T vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Thiện Quỳnh T.

* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà Trương Thị C yêu cầu chị Lê Thiện Quỳnh T phải trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng mà chị T đã ký giấy vay nợ ngày 16/12/2016 (AL) tức ngày 13/01/2017 (DL) hạn trả nợ là ngày 16/11/2017 (AL) tức ngày 02/01/2018 (DL). Nhưng đến thời điểm nguyên đơn yêu cầu trả nợ bị đơn không chịu trả. Do đó bà Trương Thị C khởi kiện chị Lê Thiện Quỳnh T phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng, bị đơn chị Lê Thiện Quỳnh T đồng ý số nợ như nguyên đơn cung cấp nhưng xin trả dần, mỗi tháng sẽ trả 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ và chị T xin bà C không tính lãi suất. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự giao nộp chứng cứ gốc là giấy vay tiền ngày 16/12/2016 (AL) tức ngày 13/01/2017 (DL) bà Trương Thị C có cho chị Lê Thiện Quỳnh T vay số tiền 100.000.000 đồng hẹn đến ngày trả nợ là ngày 16/11/2017 (AL) tức ngày 02/01/2018 (DL). Tòa án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực, nhưng trong quá trình Tòa án hòa giải thì bà Trương Thị C yêu cầu chị Lê Thiện Quỳnh T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi thành 01 lần nhưng chị T thừa nhận số nợ gốc và xin bà C không tính lãi suất với thời gian còn lại.

[2] Phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị Lê Thiện Quỳnh T có nợ bà Trương Thị C số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất. Bà C yêu cầu chị T trả ngay cả số tiền gốc và tiền lãi thành 01 lần nhưng chị T xin trả dần thành nhiều đợt, cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; các bên không thống nhất được với nhau về tiền lãi và thời hạn trả nên đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật;

[3] Giấy vay tiền ngày 16/12/2016 (AL) các đương sự đều thừa nhận là có thực nên không cần phải chứng minh.

Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ bà C có đến gặp chị T để yêu cầu trả nợ nhưng chị T vẫn không chịu trả nên bà C làm đơn khởi kiện. Như vậy chị

T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Trong giấy vay nợ ngày 16/12/2016 (AL) hai bên có thỏa thuận lãi suất với nhau là 3%/tháng; Tuy nhiên trong quá trình hòa giải bà C yêu cầu chị T phải trả lãi 1,5%/tháng với số tiền là 16.950.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)*. Từ ngày 11/10/2017 (DL) cho đến khi kết thúc vụ án ngày 20/9/2018 (DL). Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc tính lãi suất nên HĐXX tính lãi suất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tại Điều 468 cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn: Số tiền gốc 100.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 02 tháng 22 ngày (từ ngày 11/10/2017 đến ngày 02/01/2018) là 4.100.000 đồng *(Bốn triệu một trăm nghìn đồng)*.

- Lãi quá hạn: Số tiền gốc 100.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 8 tháng 17 ngày (từ ngày 03/01/2018 đến ngày 20/9/2018) là 12.850.000 đồng *(Mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C. Buộc chị Lê Thiện Quỳnh T phải trả số tiền là gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 116.950.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)*.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn chị Lê Thiện Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với chị Lê Thiện Quỳnh T.

1. Buộc chị Lê Thiện Quỳnh T phải trả số tiền là 116.950.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)* cho bà Trương Thị C. Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng);* tiền lãi trong hạn là 4.100.000 đồng *(Bốn triệu một trăm nghìn đồng)* và tiền lãi quá hạn 12.850.000 đồng *(Mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự là 5.847.500 đồng *(Năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*. Buộc chị Lê Thiện Quỳnh Thư phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 55.847.500 đồng *(Năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*.

Trả lại cho bà Trương Thị C số tiền là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* bà Trương Thị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số 0000646, ngày 28/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyệnTuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

***Nguyễn Hồng Chương***